

**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số : **389** /LĐTBOXH-TCDN

V/v góp ý dự thảo Quyết định của Thủ
tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ
trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới
03 tháng đối với người lao động

Hà Nội, ngày **29** tháng **01** năm 2015

Kính gửi:

- Các Bộ, ngành, Cơ quan trung ương các đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Khoản 3 Điều 62 của Luật giáo dục nghề nghiệp, Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội khóa XIII về đẩy mạnh mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng đối với người lao động (có dự thảo kèm theo).

Để tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Quyết định, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị các Bộ, ngành, cơ quan trung ương các đoàn thể và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đóng góp ý kiến về dự thảo và gửi về Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Dạy nghề, 37B Nguyễn Bình Khiêm, Hai Bà Trưng, Hà Nội) kèm theo bản điện tử vào hòm thư vudntx.tcdn@gmail.com trước ngày 15/02/2015 để nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định trình Thủ tướng Chính phủ. / *nan*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở LĐTBOXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, DNTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**


[Handwritten signature]
Nguyễn Thanh Hòa

Số: /2015/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội khóa XIII về đẩy mạnh mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo;

Thực hiện Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động; chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với một số đối tượng trong thời gian đào tạo; mức tiền công giảng dạy đối với giáo viên, người dạy nghề và việc tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Người lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, người thuộc hộ cận nghèo, lao động nữ và những người lao động khác có hộ khẩu thường trú tại xã hoặc có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn nhưng đang trực tiếp làm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có sức khỏe, trình độ học vấn phù hợp và có nhu cầu đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng để có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ những có năng suất, thu nhập cao hơn.

2. Người dạy nghề là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, viện nghiên cứu và các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông dân sản xuất giỏi cấp xã trở lên; tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, khai thác thủy sản, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động.

3. Trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp); trường đại học, học viện, đại học quốc gia, đại học vùng (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học) đăng ký đào tạo trình độ cao đẳng; doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là doanh nghiệp), viện nghiên cứu, trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư,... (sau đây gọi chung là các cơ sở khác) có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Danh mục nghề đào tạo

1. Danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và được rà soát hàng năm, gồm danh mục nghề nông nghiệp và danh mục nghề phi nông nghiệp làm cơ sở để xây dựng, phê duyệt mức chi phí đào tạo đối với từng nghề và tổ chức hỗ trợ đào tạo đối với người lao động.

2. Danh mục nghề nông nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng được xác định trên cơ sở quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất nông nghiệp và đề án tái cấu trúc ngành nông nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, đơn vị trong lĩnh vực nông nghiệp, khai thác thủy sản, gồm những nghề thuộc các nhóm

nghề: Quản lý tài nguyên rừng, quản lý và khai thác công trình thủy nông; sinh học ứng dụng; sản xuất muối; chế biến, bảo quản nông sản, lâm sản, thủy sản; nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; thú y được quy định tại Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Danh mục nghề phi nông nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng được xác định trên cơ sở quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, các đề án tái cấu trúc nền kinh tế và nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, gồm những nghề thuộc các nhóm nghề được quy định tại Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, trừ các nghề nông nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức đào tạo và hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động

1. Việc tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho người lao động chủ yếu là dạy thực hành và được thực hiện tại thôn, ấp, bản, phum, sóc, nơi sản xuất. Thời gian đào tạo phải phù hợp với nghề đào tạo, đặc điểm của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi ở từng vùng, từng địa phương và điều kiện của người học, để có việc làm sau đào tạo.

2. Chi tổ chức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho người lao động khi xác định được nơi làm việc và mức thu nhập sau đào tạo.

3. Mỗi người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo nghề một lần theo chính sách quy định tại Quyết định này. Những người đã được hỗ trợ học nghề theo các chính sách khác của Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ học nghề theo quy định tại Quyết định này. Riêng những người đã được hỗ trợ học nghề nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ học nghề để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Quyết định này, nhưng tối đa không quá ba lần.

4. Trường hợp người lao động là người lao động cao tuổi theo quy định của Bộ Luật lao động, đang trực tiếp làm nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nếu có sức khỏe, có nguyện vọng học nghề mà trong hộ gia đình không có người đang ở độ tuổi lao động, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định cho phép người cao tuổi được hỗ trợ đào tạo nghề theo chính sách quy định tại Quyết định này và chỉ được hỗ trợ một lần.

Chương II

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ ĐÀO TẠO DƯỚI BA THÁNG

Điều 5. Chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo

1. Người khuyết tật tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo với mức tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học.

2. Người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo với mức tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

3. Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo ở các địa bàn khác, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, lao động nữ bị mất việc làm, ngư dân tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo với mức tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học.

4. Người thuộc hộ cận nghèo tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo với mức tối đa 2,5 triệu đồng/người/khóa học.

5. Lao động nữ không thuộc đối tượng nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4 của Điều này và những người lao động khác có hộ khẩu thường trú tại xã hoặc có hộ khẩu thường trú tại phường, thị trấn nhưng đang trực tiếp làm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo với mức tối đa 02 triệu đồng/người/khóa học.

6. Riêng ngư dân học các nghề: Vận hành tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới, kỹ thuật khai thác, bảo quản sản phẩm theo công nghệ mới đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV trở lên được hỗ trợ 100% chi phí đào tạo theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

Trường hợp người học đồng thời thuộc các đối tượng nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này chỉ được hưởng một mức hỗ trợ chi phí đào tạo cao nhất.

Mức hỗ trợ cụ thể theo từng nghề và thời gian đào tạo thực tế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Đối với những nghề có chi phí đào tạo thực tế lớn hơn mức hỗ trợ tối đa quy định tại Quyết định này, các địa phương, cơ sở đào tạo chủ động xây dựng phương án huy động nguồn kinh phí bổ sung từ ngân sách địa phương, đóng góp của người học và nguồn huy động, tài trợ khác để bảo đảm chi phí đào tạo.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại trong thời gian đào tạo

1. Hỗ trợ tiền ăn với mức 30.000 đồng/người/ngày thực học đối với người lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, lao động nữ bị mất việc làm và ngư dân tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng.

2. Hỗ trợ tiền đi lại theo giá vé giao thông công cộng với mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người học nghề xa nơi cư trú từ 5 km trở lên ở những địa bàn xã khó khăn theo quy định tại Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn hoặc từ 15 km trở lên ở những địa bàn khác cho người lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, lao động nữ bị mất việc làm và ngư dân tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng.

3. Ngoài mức hỗ trợ quy định trên, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tùy điều kiện và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người lao động trong thời gian đào tạo.

Điều 7. Mức tiền công đối với người dạy

1. Người dạy nghề là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông dân sản xuất giỏi cấp huyện trở lên tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 70.000 đồng/giờ thực dạy.

2. Người dạy nghề là tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, khai thác thủy sản, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 500.000 đồng/buổi thực dạy.

3. Mức tiền công giảng dạy cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định trong phê duyệt mức chi phí đào tạo đối với từng nghề.

Điều 8. Mức chi phí đào tạo theo từng nghề

1. Mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho từng nghề do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt phù hợp với chương trình, kế hoạch đào tạo, đối tượng học nghề và thực tế của địa phương.

2. Nội dung chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho từng nghề bao gồm:

a) Tuyển sinh, khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ đào tạo;

b) Chi mua tài liệu, giáo trình, học liệu học nghề, in ấn;

c) Thù lao giáo viên, người dạy nghề;

d) Áp dụng mức phụ cấp 0,2 lần so với mức lương tối thiểu chung như đối với giáo viên thực hiện công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục thường xuyên phải xuống thôn, ấp, bản, phum, sóc đối với giáo viên, cán bộ quản lý phải thường xuyên xuống thôn, ấp, bản, phum, sóc thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để giảng dạy, tổ chức đào tạo từ 15 ngày trở lên trong tháng.

- d) Hỗ trợ nguyên, nhiên, vật liệu học nghề để thực hành đào tạo;
- e) Thuê lớp học, thuê thiết bị đào tạo chuyên dụng (nếu có);
- g) Thuê phương tiện vận chuyển thiết bị đào tạo đối với trường hợp đào tạo lưu động;
- h) Trích khấu hao tài sản cố định phục vụ lớp học;
- i) Chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình, giáo trình (nếu có);
- k) Chi công tác quản lý lớp học không quá 10% tổng số kinh phí tổ chức lớp.

Điều 9. Chính sách hỗ trợ vốn đào tạo, vốn sản xuất, tạo việc làm sau đào tạo

1. Lao động nông thôn tham gia học các chương trình đào tạo nghề nghiệp được vay vốn để học tập theo quy định hiện hành về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

2. Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người nhiễm HIV, người cai nghiện ma túy, người bán dâm hoàn lương học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành để tổ chức sản xuất, tạo việc làm sau đào tạo.

3. Người khuyết tật học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng được vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội như đối với người thuộc hộ nghèo để tổ chức sản xuất, tạo việc làm sau đào tạo.

4. Người lao động học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để tự tạo việc làm sau đào tạo.

5. Người dân được vay vốn đóng mới, cải tạo nâng cấp tàu theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

6. Người lao động sau khi học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng tham gia sản xuất, kinh doanh, tự tạo việc làm được ưu tiên hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, chế biến, giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm.

Điều 10. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo

Kinh phí thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động gồm:

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu đối với các địa phương qua Chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và dạy nghề, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững và các chương trình quốc gia khác;

2. Ngân sách địa phương bố trí để thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động tại địa phương;

3. Kinh phí được bố trí từ Quỹ phát triển đất của địa phương hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề;

4. Kinh phí đóng góp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn huy động tài trợ hợp pháp khác.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, CƠ SỞ ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ ĐÀO TẠO DƯỚI BA THÁNG

Điều 11. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng do người đứng đầu cơ sở có đủ điều kiện đào tạo tổ chức xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt theo quy định để tổ chức đào tạo đối với người lao động.

a) Nội dung chương trình đào tạo trình độ sơ cấp phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng nghề và các kiến thức, kỹ năng bổ trợ (pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp, kỹ năng tìm việc làm, kỹ năng làm việc theo nhóm...) để người học có năng lực thực hiện được các công việc đơn giản của một nghề và có thời gian thực học tối thiểu là 300 giờ.

b) Nội dung chương trình đào tạo dưới ba tháng phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng nghề và các kiến thức, kỹ năng bổ trợ (pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp, kỹ năng tìm việc làm, kỹ năng làm việc theo nhóm...) để người học có năng lực thực hiện được công việc theo vị trí làm việc và có thời gian thực học tối thiểu không dưới 100 giờ học.

2. Thời gian đào tạo được quy định trong chương trình đào tạo. Địa điểm, tiến độ đào tạo thực tế có thể thực hiện linh hoạt phù hợp với nghề đào tạo, yêu cầu của quy trình sản xuất, quy trình sinh trưởng của cây trồng, vật nuôi; điều kiện của người học và đặc điểm của từng vùng, địa phương.

Điều 12. Cơ sở tham gia đào tạo

1. Cơ sở tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng gồm: cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các doanh nghiệp có đủ điều kiện đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học và các doanh nghiệp có đủ điều kiện đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng theo quy định của pháp luật được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đặt hàng đào tạo nghề cho người lao động, trong đó ưu tiên đặt hàng đào tạo đối với doanh nghiệp thực hiện tuyển người vào đào tạo để làm việc cho doanh nghiệp.

Điều 13. Lập kế hoạch, giao nhiệm vụ và tổ chức đặt hàng đào tạo

1. Căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương; quy hoạch phát triển nhân lực; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, đơn vị trên địa bàn và kinh phí hỗ trợ chi phí đào tạo được bố trí, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng cho người lao động theo đối tượng, chính sách quy định tại Quyết định này.

Kế hoạch đào tạo, gồm: danh mục nghề đào tạo; cấp trình độ đào tạo; số người học; chỉ tiêu đặt hàng đào tạo; cơ sở đủ điều kiện đào tạo; địa bàn đào tạo; nơi làm việc, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; mức chi phí đào tạo cho từng nghề, cấp trình độ; dự toán nhu cầu kinh phí và các cơ quan nhà nước được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện.

2. Căn cứ kế hoạch đào tạo đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và đơn đề nghị của người học là đối tượng được hỗ trợ chi phí đào tạo theo quy định tại Quyết định này, các cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện tiến hành ký hợp đồng đặt hàng dạy nghề với cơ sở đủ điều kiện đào tạo đã được lựa chọn và chuyển kinh phí thực hiện hợp đồng để đào tạo nghề cho người lao động theo quy định.

3. Việc giao nhiệm vụ, đặt hàng đào tạo thực hiện theo Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia hàng năm, 5 năm; tổng hợp kế hoạch và nhu cầu kinh phí gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ đưa vào dự toán ngân sách nhà nước;

b) Hướng dẫn xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng theo đối tượng người học;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động;

d) Chủ trì, chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng nghề phi nông nghiệp đối với người lao động;

đ) Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động quy định tại Quyết định này;

b) Bố trí kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động quy định tại Quyết định này;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động và việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ dạy nghề theo chính sách quy định tại Quyết định này và Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia hàng năm, 5 năm;

b) Cân đối bổ sung ngân sách cho Quỹ quốc gia về việc làm; bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, lao động thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, lao động nữ bị mất việc làm,... vay vốn tạo việc làm và cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định.

c) Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động theo các chính sách quy định tại Quyết định này.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng nghề nông nghiệp đối với người lao động trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia hàng năm, 5 năm; tổng hợp kế hoạch và nhu cầu kinh phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng nghề nông nghiệp gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp để gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ đưa vào dự toán ngân sách nhà nước;

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với lao động nông thôn học nghề nông nghiệp;

c) Chủ trì, chịu trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng nghề nông nghiệp đối với lao động nông thôn;

d) Hướng dẫn tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp; liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hàng hóa và chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với lao động nông thôn học nghề nông nghiệp;

đ) Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp đối với lao động nông thôn; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Ủy ban Dân tộc

a) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người dân tộc thiểu số;

b) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đối với người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo thuộc các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số gắn kết với hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động;

c) Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người dân tộc thiểu số; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Bộ Công Thương

a) Chủ trì tổ chức thực hiện cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tiểu thủ công nghiệp cho lao động và chỉ đạo hệ thống khuyến công gắn kết các hoạt động khuyến công với hoạt động đào tạo nghề phi nông nghiệp cho người lao động;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý chủ động tham gia đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động theo chính sách quy định tại Quyết định này;

c) Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện đào tạo nghề trong chương trình khuyến công; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền về hướng nghiệp, đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người lao động;

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý chủ động tham gia đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động theo chính sách quy định tại Quyết định này;

c) Kiểm tra, giám sát công tác thông tin, tuyên truyền về hướng nghiệp, đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người lao động; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

8. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Xây dựng quy trình, hướng dẫn người lao động theo các đối tượng vay vốn tạo việc làm;

b) Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội ở địa phương thực hiện cho vay vốn đối với người lao động tham gia học nghề và thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với người lao động sau khi học nghề để giải quyết việc làm hoặc thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp theo quy định hiện hành;

c) Kiểm tra, giám sát việc cho vay vốn đối với người lao động tham gia đào tạo nghề nghiệp và việc cho vay vốn ưu đãi đối với người lao động sau đào tạo; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

9. Các Bộ, ngành khác

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý chủ động tham gia đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động theo chính sách quy định tại Quyết định này;

b) Kiểm tra, giám sát các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý trong tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng, tạo việc làm đối với người lao động; định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động theo quy định tại Quyết định này và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề đối với người lao động trên địa bàn;

2. Xây dựng, phê duyệt danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo cho từng nghề, trình độ đào tạo và kế hoạch đào tạo hàng năm, 5 năm về hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động theo chính sách quy định tại Quyết định này;

3. Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương và lồng ghép sử dụng các nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án để hỗ trợ đào tạo với người lao động theo chính sách quy định tại Quyết định này và Luật Ngân sách Nhà nước;

4. Huy động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp tham gia thực hiện đặt hàng đào tạo đối với người lao động theo chính sách quy định tại Quyết định này, trong đó ưu tiên đặt hàng đào tạo đối với doanh nghiệp có đủ điều kiện đào tạo theo quy định thực hiện tuyển người vào đào tạo để làm việc cho doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;

5. Chỉ đạo các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo, đài của địa phương có chuyên mục tuyên truyền về hướng nghiệp, đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người lao động;

6. Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ tổ chức sản xuất, tạo việc làm, xây dựng thương hiệu hàng hóa, tiêu thụ sản phẩm cho người lao động sau đào tạo;

7. Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động trên địa bàn; định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện, kết quả, hiệu quả đào tạo gửi Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 16. Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, nghề nghiệp

1. Hội Nông dân Việt Nam chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nông dân tham gia các chương trình đào tạo nghề nghiệp; tư vấn miễn phí về đào tạo nghề nghiệp, việc làm, thành lập doanh nghiệp, trang trại và cơ sở sản xuất, kinh doanh; tham gia đào tạo nghề nghiệp và giám sát tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng đối với người lao động.

2. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức lồng ghép việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp đối với người lao động trong các hoạt động tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề và tạo việc làm cho thanh niên theo chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng quy định tại Quyết định này.

3. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức lồng ghép việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp đối với người lao động trong các hoạt động

tuyên truyền, tư vấn về học nghề và tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nữ theo chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng quy định tại Quyết định này.

4. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác; Hiệp hội Dạy nghề và Nghề công tác xã hội Việt Nam, Hiệp hội làng nghề Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Hội Người mù và các tổ chức xã hội, hội nghề nghiệp khác trực tiếp tuyên truyền vận động hội viên, thành viên tham gia vào các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, đào tạo nghề, tạo việc làm và tổ chức đào tạo nghề nghiệp đối với hội viên, thành viên theo chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới ba tháng quy định tại Quyết định này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

2. Quyết định này thay thế các quy định:

a) Chính sách hỗ trợ chi phí học nghề, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với lao động nông thôn tham gia học nghề trình độ sơ cấp và dưới ba tháng, mức tiền công giảng dạy đối với người dạy nghề quy định tại Điểm 1 và 2 Khoản III Điều 1 Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chính sách hỗ trợ chi phí học nghề, hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại đối với lao động nữ và chính sách đối với giảng viên, giáo viên quy định tại Điểm 1 và 2 Khoản III Điều 1 Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Mức hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật quy định tại Tiết đ Điểm 3 Khoản II Điều 1 Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

d) Chính sách hỗ trợ chi phí học nghề ngắn hạn đối với người dân tộc thiểu số quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

đ) Chính sách hỗ trợ học nghề ngắn hạn đối với người lao động thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ;

e) Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với lao động là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

g) Chính sách hỗ trợ học nghề đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long quy định tại Điểm d Khoản 2

Điều 4 Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng